TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 3 - 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chí và bà Mai Thanh Huyền;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm 1977;
Số CCCD: 044177006594 cấp ngày 07/9/2021 tại Cục C về TTXH.
Địa chỉ: Thôn V, xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1976
Số CCCD: 044076000641 cấp ngày 27/4/2021 tại Cục C về TTXH.
Địa chỉ: Thôn V, xã Q, tỉnh Quảng Trị, có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:*

Chị và anh Bùi Văn L tìm hiểu, đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là UBND xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 04/12/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn V, xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng tiếng nói, chồng gia trường vũ phu và không tôn trọng vợ. Vợ chồng đã cố gắng

hòa giải nhưng không thành, mâu thuẩn ngày càng nghiêm trọng. Nay chị X nhận thấy bản thân đã hết tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị X xin ly hôn anh Bùi Văn L. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Thị T, sinh ngày 07/6/2004 và Bùi Quốc H, sinh ngày 30/12/2011. Con Bùi Thị T đã trưởng thành, còn con Bùi Quốc H đang ở với anh L, nếu ly hôn chị đề nghị giao con cho anh L trực tiếp chắm sóc nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh Bùi Văn L:* Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2026 thì anh L đã nhận được văn bản thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị nhưng không đến Tòa án và tham gia phiên tòa. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị X kết hôn năm 2000. Quá trình chung sống không có mâu thuẩn gì nên anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị X. Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung Bùi Thị T, sinh ngày 07/6/2004 (đã trưởng thành) và Bùi Quốc H, sinh ngày 30/12/2011, con đang ở với vợ chồng anh. Anh đề nghị vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn chị X xử cho chị X được ly hôn anh L; về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung Bùi Quốc H, sinh ngày 30/12/2011 nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con. Chị Lê Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Việc cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi con tròn 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị X khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015; bị đơn anh L có nơi đăng ký cư trú tại thôn V, xã Q, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bị đơn anh Bùi Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hiện nay anh L vẫn đang làm ăn sinh sống địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Chị Lê Thị X có đơn xinh xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyen đơn chị Lê Thị X và bị đơn anh Bùi Văn L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của chị X và anh L thì chị X, anh L đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã Q, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 04/12/2000, do đó hôn nhân giữa chị X, anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng thời gian đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, về sau giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị X vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh L gia trưởng, không tôn trọng vợ và không ai quan tâm đến nhau. Chị X xác nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn và đề nghị xin ly hôn. Anh L cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh L mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng thời gian dài anh L không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã triệu tập đến hoà giải và xét xử nhưng anh L không đến. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị X và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị X và anh L đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là

Bùi Thị T, sinh ngày 07/6/2004 (đã trưởng thành) và Bùi Quốc H, sinh ngày 30/12/2011, hiện nay con đang ở với anh L. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng giao con cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đ (một triệu đồng). Xét thấy, con chung anh L đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Bùi Quốc H cũng có nguyện vọng ở với anh L. Vì vậy, nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, cần giao con chung cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) là phù hợp nguyện

vọng của các đương sự, của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh L đều thừa nhận vợ chồng có tài sản chung tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Bùi Quốc H, sinh ngày 30/12/2011 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Lê Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.00.000 đồng (một triệu đồng). Việc cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng áp phí cấp dưỡng nuôi con theo định. Tổng cộng án phí chị X phái chịu số tiền 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 00002489 ngày 24/12/2025. Chị X phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;

TÒA
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Châu Mạnh Cường